TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Huyện Q, *ngày 30 tháng 8 năm 2019*

Số: 13/2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213, điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 44/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.**

Địa chỉ: Số 191 B, phường L, quận H, TP H; *Đại diện theo pháp luật*: Ông **Hồ Hùng A;** Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; *Đại diện theo ủy quyền:* Bà **Phạm Thị N** - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ *(Theo Quyết định số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân Hàng TMCP K); Người được uỷ quyền lại*: Ông **Phan Xuân H**; Chức danh: Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K. *(Theo Giấy ủy quyền số 660/2019/UQ/TCB ngày 15 tháng 6 năm 2019 của bà Phạm Thị N).*

*Bị đơn***:**

1- Ông **Nguyễn Bá C**, sinh năm 1981.

2- Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1983.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Ông **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1973.

2- Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1973.

3- Anh **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1998.

Bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Bá T ủy quyền cho ông Nguyễn Bá T theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2019.

4- Cháu **Nguyễn Bá B**, sinh năm 2003.

Đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Bá B là ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị T.

5- Cháu **Nguyễn Bá T**, sinh năm 2003.

6- Cháu **Nguyễn Thị Ngọc Q**, sinh năm 2008.

Đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Bá T và Nguyễn Thị Ngọc Q là ông Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị P.

Đều trú tại: Xóm 5, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố H.

II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

1/**- Ngân hàng TMCP K** và ông **Nguyễn Bá C,** bà **Nguyễn Thị P** đều xác nhận Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 48470/HĐTD/TH-TN/TCB TLG-KMI ngày 01/6/2011 giữa Ngân hàng TMCP K và ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P thì tính đến ngày 18/4/2019 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là:

Nợ gốc: 1,568,800,000 đồng.

Nợ lãi: 3,811,037,094 đồng.

Tổng nợ: 5,379,837,094 đồng.

2/- Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Sau khi ngân hàng đồng ý miễn lãi phạt cho khách hàng số tiền: **1,741,901,415 đồng** và miễn tiền phạt vi phạm HĐ cho khách hàng là: **15,900,000 đồng,** số tiền mà ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng là: **3,637,935,679 đồng** bao gồm: **1,568,800,000 đồng** nợ gốc và **2,069,135,679 đồng** nợ lãi *(số liệu tính đến ngày 18/4/2019).*

Lãi suất:

Kể từ ngày 19/4/2019, ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P tiếp tục chịu lãi phát sinh theo HĐTD trung, dài hạn số: 48470/HĐTD/TH-TN/TCB TLG-KMI ngày 01/6/2011 trên phần nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Phương án và lộ trình trả nợ:

Ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P đồng ý trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/4/2019 là **3,637,935,679 đồng** (bao gồm 1,568,800,000 đồng nợ gốc và 2,069,135,679 đồng nợ lãi) và số tiền lãi phát sinh cộng dồn kể từ ngày 19/4/2019 cho đến ngày khách hàng tất toán khoản nợ. Thời hạn trả nợ: Ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P cam kết thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên chậm nhất đến ngày 31/8/2019.

Nếu ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3023.2011/HĐTC-TCB ngày 01/6/2011 tại Văn phòng Công chứng T, thành phố H và Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3020.2011/HĐTC-TCB ngày 01/6/2011 tại Văn phòng Công chứng T, thành phố H. Tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 489, tờ bản đồ số 13, có diện tích 198.8 m2 (một trăm chín mươi tám phẩy tám mét vuông), hình thức sử dụng: riêng, mục đích sử dụng: đất thổ cư, thời hạn sử dụng: lâu dài tại địa chỉ: Xóm T, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh H (nay là thành phố H). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 494990, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1059, do UBND huyện Q, tỉnh H (cũ) cấp ngày 04/10/2006 cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị T. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3023.2011/HĐTC-TCB ngày 01/6/2011 tại Văn phòng Công chứng T, thành phố H.

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 459, tờ bản đồ số 13, có diện tích 126.9 m2 (một trăm hai mươi sáu phẩy chín mét vuông), hình thức sử dụng: riêng, mục đích sử dụng: đất thổ cư, thời hạn sử dụng: lâu dài tại địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh H (nay là thành phố H). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 494734, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 881, do UBND huyện Q, tỉnh H (cũ) cấp ngày 04/10/2006 cho ông Nguyễn Bá T và bà Trương Thị K. Ngày 2/3/2011 đính chính bà Trương Thị K thành bà Trần Thị Ninh K Đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Bá C ngày 16/3/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q, thành phố H. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3020.2011/HĐTC-TCB ngày 01/6/2011 tại Văn phòng Công chứng T, thành phố H.

Ông C, bà P, ông T, bà T cam đoan toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, gia đình bên thế chấp vẫn đang sử dụng và quản lý, không có tranh chấp.

Hai bên thoả thuận trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản khác của ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

3/- Trong khoảng thời gian ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P chưa thanh toán hết cho ngân hàng toàn bộ số nợ thì ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị P và các bên có liên quan cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như hợp đồng thế chấp đã ký và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi ngân hàng thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

4/-Về án phí: ông Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật là 52.379.000 đồng *(Năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).*

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng TMCP K: **56.690.000 đồng** *(Năm mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0010851 ngày 20/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:** **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;

- TAND thành phố H;

- VKSND huyện Q;

- Chi cục THADS huyện Q;

- Lưu: hồ sơ.

Nguyễn Hữu Thanh

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.